

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
KHÓA 9 (2017-2019) - KỲ THI NGÀY 15/11/2019

Môn: **LÝ THUYẾT TỔNG HỢP**

Giờ thi: 08h00'

Ngành: **Y sỹ**

Phòng thi: GD1

Địa điểm : Số 1 Đoàn Kết, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

STT	MSHS	SBD	SỐ PHÁCH	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	25146511	YS01	LTYS08	Phạm Trương Gia	An	22/07/1994	6.0	Sáu	
2	79095005403	YS02	LTYS28	Nhâm Thoại	Châu	14/11/1995	7.0	Bảy	
3	175022947	YS03	LTYS07	Hồ Văn	Cường	15/03/1998	6.0	Sáu	
4	212584063	YS04	LTYS27	Tô Thị Thu	Diễm	27/05/1998	7.0	Bảy	
5	273655034	YS05	LTYS06	Đỗ Mạnh	Dũng	14/10/1998	6.0	Sáu	
6	190430747	YS06	LTYS26	Nguyễn Sơn	Hà	17/01/1962	7.0	Bảy	
7	251184242	YS07	LTYS05	Nguyễn Thị	Hằng	24/11/1998	6.0	Sáu	
8	281202404	YS08	LTYS25	Nguyễn Thị	Hiếu	16/09/1992	2.0	Hai	
9	241818999	YS09	LTYS04	Trần Huy	Hoàng	02/09/1999	6.0	Sáu	
10	215489220	YS10	LTYS43	Đặng Thị	Hồng	18/04/1999	6.0	Sáu	
11	225526036	YS11	LTYS19	Nguyễn Thị Minh	Khiêm	11/07/1994	6.0	Sáu	
12	321780507	YS12	LTYS42	Lê Thị Mộng	Kiều	30/11/1999	6.0	Sáu	
13	77092000827	YS13	LTYS18	Nguyễn Khắc	Kỳ	19/10/1992	6.0	Sáu	
14	132281560	YS14	LTYS38	Lê Tùng	Lâm	14/10/1996	7.0	Bảy	
15	22099000162	YS15	LTYS22	Đồng Xuân	Lộc	02/01/1999	7.0	Bảy	
16	38099005787	YS16	LTYS37	Vũ Năng	Long	15/03/1999	4.0	Bốn	
17	272494354	YS17	LTYS21	Cao Phi	Long	27/03/1997	7.0	Bảy	
18	231321959	YS18	LTYS36	Chu Linh	Ngọc	26/09/1999	7.0	Bảy	
19	24248606	YS19	LTYS20	Lục Hỷ	Nhi	26/03/1989	8.0	Tám	
20	187305661	YS20	LTYS41	Lê Văn	Phi	26/03/1993	6.0	Sáu	
21	192055832	YS21	LTYS17	Đặng	Ri	04/06/1997	8.0	Tám	
22	285440603	YS22	LTYS40	Bùi Viết	Sơn	04/09/1995	4.0	Bốn	
23	225333134	YS23	LTYS16	Phan Tấn	Tài	15/09/1990	8.0	Tám	
24	273691935	YS24	LTYS39	Hồ Minh	Tài	04/12/1999	6.0	Sáu	
25	164597044	YS25	LTYS03	Trần Văn	Tuấn	07/06/1997	6.0	Sáu	
26	331414000	YS26	LTYS46	Nguyễn Đình	Phương	18/11/1981	6.0	Sáu	
27	241280764	YS27	LTYS02	Chu Thị	Tiến	16/04/1993	6.0	Sáu	

STT	MSHS	SBD	SỐ PHÁCH	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
28	225684955	YS28	LTYS45	Nguyễn Huỳnh Gia	Toàn	22/02/1999	7.0	Bảy	
29	241835293	YS29	LTYS01	Phạm Thanh	Tùng	10/10/2001	6.0	Sáu	
30	281202375	YS30	LTYS44	Chu Đức	Vinh	29/08/1983	6.0	Sáu	
31	3125187776	YS31	LTYS24	Lê Thị Ái	Xuân	06/05/2000	7.0	Bảy	
32	2612820980	YS32	LTYS47	Lê Thị Ngọc	Bích	20/07/1993	7.0	Bảy	
33	230868304	YS33	LTYS29	Vũ Văn	Cường	06/02/1992	7.0	Bảy	
34	215328853	YS34	LTYS23	Bùi Thị Hồng	Gấm	20/12/1994	7.0	Bảy	
35	351659718	YS35	LTYS10	Đỗ Văn	Huy	09/10/1984	6.0	Sáu	
36	151639796	YS36	LTYS32	Nguyễn Văn	Khá	21/04/1987	6.0	Sáu	
37	301441583	YS37	LTYS09	Nguyễn Hoàng	Khang	05/12/1992	7.0	Bảy	
38	25146244	YS38	LTYS31	Trần Thị Thúy	Liều	10/02/1982	6.0	Sáu	
39	341648095	YS39	LTYS30	Lê Hiếu	Nghĩa	28/06/1992	7.0	Bảy	
40	362278537	YS40	LTYS15	Hứa Đoàn Hồng	Phát	17/12/1989	7.0	Bảy	
41	25189959	YS41	LTYS14	Mai Thanh	Phúc	02/03/1992	6.0	Sáu	
42	301377136	YS42	LTYS35	Phạm Thị	Phượng	02/09/1991	7.0	Bảy	
43	23399819	YS43	LTYS13	Lê Văn	Thắng	07/06/1986	8.0	Tám	
44	212270101	YS44	LTYS34	Nguyễn Ngọc	Tín	10/04/1994	4.0	Bốn	
45	273534841	YS45	LTYS33	Trần Thiên	Trúc	18/04/1994	5.0	Năm	
46	60183000237	YS46	LTYS12	Lê Thị Kim Linh	Tuyền	07/03/1983	6.0	Sáu	
47	341297550	YS47	LTYS11	Lê Thị	Tuyền	08/04/1985	7.0	Bảy	

Số HS dự thi: 47 Số HS vắng thi: 0 Ngày 25 tháng 11 năm 2019

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP BAN KHẢO THÍ

Bùi Minh Trung